

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 05/2022

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị cấp nước: Nhà máy nước sạch xã Minh Tân.
2. Địa chỉ: Thôn Duyệt Văn – xã Minh Tân – huyện Phù Cừ
3. Công suất thiết kế : 910 m³/ngày đêm. Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước: 1048 hộ dân.
4. Nguồn nước nguyên liệu: Mua nước
5. Thời gian kiểm tra: ngày 11 tháng 05 năm 2022
6. Người kiểm tra: Lê Hồng Nhung
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 03 mẫu, đầu nguồn, giữa nguồn, cuối nguồn.

II. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước

Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước gồm: Nhật ký vận hành của nhà máy, hồ sơ lưu mẫu nước nội kiểm.

III. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước

TT	Mã số mẫu, vị trí lấy mẫu	Đầu nguồn	Giữa nguồn	Cuối nguồn	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform tổng số(vi khuẩn/100ml)	X	X	X	< 3	Đạt
2.	E.coli (vi khuẩn/100ml)	X	X	X	< 1	Đạt
3.	Clo dư (mg/l)	X	X	X	0.2 - 1	Đạt
4.	Độ đục	X	X	X	2	Đạt
5.	Màu sắc(TCU)	X	X	X	15	Đạt
6.	Mùi vị(-)	X	X	X	Không có mùi vị lạ	Đạt
7.	pH(-)	X	X	X	6.0 – 8.5	Đạt
8.	Chỉ số Mn(mg/l)	X	X	X	0.1	Đạt

9	Chỉ số Amoni(mg/l)	X	X	X	0.3	Đạt
---	--------------------	---	---	---	-----	-----

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

IV. Các biện pháp khắc phục: Không

V. Đề xuất, kiến nghị: Không

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

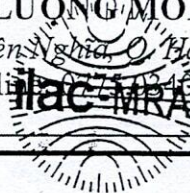


Lê Hồng Nhung



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 0975.434.434



VIMCERT 034
Số: 02710/KQPT/2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 755

Tên khách hàng : Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ : Số 67 đường Hải Thượng Lãn Ông – phường Hiến Nam – thành phố Hưng Yên – tỉnh Hưng Yên
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước xã Minh Tân
Tên mẫu : Nước sinh hoạt Số mẫu: 3 Ký hiệu : NS1, NS2, NS3
Mã mẫu : N110522_012-014
Ngày nhận mẫu : 11/05/2022
Thời gian hoàn thành : 23/05/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 01-1:2018/ BYT
				NS1	NS2	NS3	
1	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	<3
2	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	<1
3	Mùi vị [#]	-	Cảm quan	Không có mùi vị lạ			Không có mùi, vị lạ
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,51	6,42	6,47	6 ÷ 8,5
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2017	<0,0400	<0,0400	<0,0400	0,3
6	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	8,09	8,44	8,15	15
7	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-2:2012	0,45	0,44	0,52	0,2 ÷ 1
8	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	0,16	0,15	0,15	2
9	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3500 - Mn(B):2017	<0,032	<0,032	<0,032	0,1

Ghi chú:

(#): Thông số chưa được công nhận trong Vilas 755 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng phân tích chất lượng môi trường. Phòng phân tích chất lượng môi trường không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.

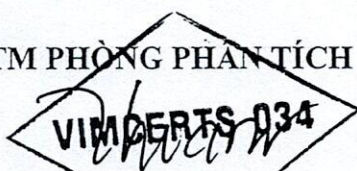
- Vị trí lấy mẫu:

- + NS1: Tại vị trí đầu nguồn.
- + NS2: Tại vị trí cuối nguồn.
- + NS3: Tại vị trí giữa nguồn.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2022



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.
- (-): Không có quy định.
- (KPH): Không phát hiện.
- (KPT): Không phân tích.